

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 655/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 11/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 30/9 & 01/10/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1968	Trần Thị Mai Anh	15/09/2000	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG016027	CNTT/23/3313	Đạt	
2	CNTT1969	Nguyễn Ngọc Ánh	21/10/2001	Bắc Giang	Nữ	7,0	8,0	DBG016028	CNTT/23/3314	Đạt	
3	CNTT1970	Nguyễn Thị Diễm	18/07/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016029	CNTT/23/3315	Đạt	
4	CNTT1971	Vì Thị Giang	29/09/2000	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG016030	CNTT/23/3316	Đạt	
5	CNTT1972	Ngô Thị Hạnh	03/05/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016031	CNTT/23/3317	Đạt	
6	CNTT1973	Nguyễn Thị Hạnh	11/01/2000	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016032	CNTT/23/3318	Đạt	
7	CNTT1974	Giáp Thị Thu Hiền	06/01/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG016033	CNTT/23/3319	Đạt	
8	CNTT2092	Vũ Xuân Hiếu	02/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG016149	CNTT/23/3435	Đạt	
9	CNTT1975	Nguyễn Thị Hường	08/06/1998	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG016034	CNTT/23/3320	Đạt	
10	CNTT1976	Dương Đức Linh	17/12/1981	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG016035	CNTT/23/3321	Đạt	
11	CNTT1978	Nguyễn Thị Mai Linh	06/12/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG016036	CNTT/23/3322	Đạt	
12	CNTT2093	Trần Văn Lộc	26/05/2000	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016150	CNTT/23/3436	Đạt	
13	CNTT1980	Vũ Hồng Ngọc	11/09/2000	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	DBG016037	CNTT/23/3323	Đạt	
14	CNTT1981	Nguyễn Thị Phụng	14/11/2000	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	DBG016038	CNTT/23/3324	Đạt	
15	CNTT1982	Nguyễn Thị Hoài Thu	05/04/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG016039	CNTT/23/3325	Đạt	
16	CNTT1983	Hoàng Thị Thủy	20/02/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016040	CNTT/23/3326	Đạt	
17	CNTT1984	Phan Thị Thu Thủy	05/01/2000	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG016041	CNTT/23/3327	Đạt	
18	CNTT1985	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20/11/1998	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG016042	CNTT/23/3328	Đạt	
19	CNTT1986	Nguyễn Thị Hải Yến	19/05/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016043	CNTT/23/3329	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1987	Nguyễn Đăng An	15/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016044	CNTT/23/3330	Đạt	
21	CNTT1988	Bùi Đức Anh	07/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016045	CNTT/23/3331	Đạt	
22	CNTT1989	Đặng Ngọc Anh	08/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016046	CNTT/23/3332	Đạt	
23	CNTT1990	Hoàng Kim Đức Anh	14/09/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	7,0	DBG016047	CNTT/23/3333	Đạt	
24	CNTT1991	Ngô Ngọc Lan Anh	20/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG016048	CNTT/23/3334	Đạt	
25	CNTT1992	Nguyễn Đình Tuấn Anh	16/07/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG016049	CNTT/23/3335	Đạt	
26	CNTT1993	Nguyễn Đức Anh	12/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG016050	CNTT/23/3336	Đạt	
27	CNTT1994	Nguyễn Duy Anh	23/07/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG016051	CNTT/23/3337	Đạt	
28	CNTT1995	Nguyễn Duy Anh	26/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016052	CNTT/23/3338	Đạt	
29	CNTT1996	Nguyễn Hoàng Anh	21/09/2007	Bắc Giang	Nam	8,0	5,0	DBG016053	CNTT/23/3339	Đạt	
30	CNTT1997	Nguyễn Quang Anh	03/06/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG016054	CNTT/23/3340	Đạt	
31	CNTT1998	Phạm Nam Anh	04/05/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG016055	CNTT/23/3341	Đạt	
32	CNTT1999	Phạm Tuấn Anh	17/08/2007	Hà Tây	Nam	7,0	5,5	DBG016056	CNTT/23/3342	Đạt	
33	CNTT2000	Trần Đức Anh	03/10/2007	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016057	CNTT/23/3343	Đạt	
34	CNTT2001	Nguyễn Công Thái Bảo	25/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG016058	CNTT/23/3344	Đạt	
35	CNTT2002	Nguyễn Hà Bắc	23/07/2007	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016059	CNTT/23/3345	Đạt	
36	CNTT2003	Đoàn Văn Chiến	08/12/2004	Hà Nội	Nam	6,0	7,0	DBG016060	CNTT/23/3346	Đạt	
37	CNTT2004	Ngô Quang Chiến	08/07/2006	Bắc Ninh	Nam	8,2	6,0	DBG016061	CNTT/23/3347	Đạt	
38	CNTT2005	Đỗ Đình Chung	13/02/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG016062	CNTT/23/3348	Đạt	
39	CNTT2006	Mạc Đăng Chung	01/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016063	CNTT/23/3349	Đạt	
40	CNTT2007	Nguyễn Trường Cơ	15/06/1988	Bắc Ninh	Nam	8,0	6,5	DBG016064	CNTT/23/3350	Đạt	
41	CNTT2008	Phạm Văn Cương	12/08/1990	Bắc Ninh	Nam	8,5	7,0	DBG016065	CNTT/23/3351	Đạt	
42	CNTT2009	Hạp Tiến Dũng	10/10/2007	Hồ Chí Minh	Nam	6,0	6,0	DBG016066	CNTT/23/3352	Đạt	
43	CNTT2010	Lê Hữu Dũng	08/09/2006	Hà Nội	Nam	8,2	6,0	DBG016067	CNTT/23/3353	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT2011	Nguyễn Xuân	Dũng	28/05/1996	Bắc Ninh	Nam	7,7	6,5	DBG016068	CNTT/23/3354	Đạt	
45	CNTT2012	Lê Đình	Duy	01/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016069	CNTT/23/3355	Đạt	
46	CNTT2013	Nguyễn Đăng	Duy	16/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016070	CNTT/23/3356	Đạt	
47	CNTT2014	Nguyễn Đức	Duy	10/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG016071	CNTT/23/3357	Đạt	
48	CNTT2015	Phạm Trần Khánh	Duy	15/10/2003	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016072	CNTT/23/3358	Đạt	
49	CNTT2016	Nguyễn Tùng	Dương	09/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016073	CNTT/23/3359	Đạt	
50	CNTT2017	Phạm Đình	Dương	16/05/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016074	CNTT/23/3360	Đạt	
51	CNTT2018	Đàm Văn	Đại	07/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016075	CNTT/23/3361	Đạt	
52	CNTT2019	Đỗ Duy	Đam	12/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG016076	CNTT/23/3362	Đạt	
53	CNTT2020	Huỳnh Tuấn	Đạt	19/09/2004	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	DBG016077	CNTT/23/3363	Đạt	
54	CNTT2021	Nguyễn Bình	Đạt	05/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG016078	CNTT/23/3364	Đạt	
55	CNTT2022	Nguyễn Kế	Đạt	25/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016079	CNTT/23/3365	Đạt	
56	CNTT2023	Nguyễn Văn Thành	Đạt	12/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016080	CNTT/23/3366	Đạt	
57	CNTT2024	Trần Quang	Đạt	06/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	DBG016081	CNTT/23/3367	Đạt	
58	CNTT2025	Nguyễn Văn	Điệp	18/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016082	CNTT/23/3368	Đạt	
59	CNTT2026	Vũ Văn	Đinh	23/09/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG016083	CNTT/23/3369	Đạt	
60	CNTT2027	Đào Minh	Đức	01/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016084	CNTT/23/3370	Đạt	
61	CNTT2028	Đỗ Huy	Đức	29/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016085	CNTT/23/3371	Đạt	
62	CNTT2029	Hoàng Trung	Đức	18/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG016086	CNTT/23/3372	Đạt	
63	CNTT2030	Nguyễn Anh	Đức	30/12/2007	Hải Dương	Nam	6,2	5,5	DBG016087	CNTT/23/3373	Đạt	
64	CNTT2031	Nguyễn Đăng	Đức	08/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	DBG016088	CNTT/23/3374	Đạt	
65	CNTT2032	Nguyễn Minh	Đức	28/08/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016089	CNTT/23/3375	Đạt	
66	CNTT2033	Nguyễn Việt	Đức	08/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016090	CNTT/23/3376	Đạt	
67	CNTT2034	Trịnh Văn	Đức	14/10/2006	Bắc Ninh	Nam	7,7	6,5	DBG016091	CNTT/23/3377	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT2035	Chu Bá Hà	12/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016092	CNTT/23/3378	Đạt	
69	CNTT2036	Hoàng Công Hải	01/10/2007	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016093	CNTT/23/3379	Đạt	
70	CNTT2037	Nguyễn Đức Hải	19/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016094	CNTT/23/3380	Đạt	
71	CNTT2038	Nguyễn Hoàng Hải	15/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016095	CNTT/23/3381	Đạt	
72	CNTT2039	Vũ Thị Hồng Hạnh	16/04/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,5	DBG016096	CNTT/23/3382	Đạt	
73	CNTT2040	Lương Thị Minh Hằng	16/03/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG016097	CNTT/23/3383	Đạt	
74	CNTT2041	Nguyễn Vĩnh Huy Hân	23/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016098	CNTT/23/3384	Đạt	
75	CNTT2042	Phạm Bảo Hân	28/08/2006	Thái Nguyên	Nữ	7,5	6,5	DBG016099	CNTT/23/3385	Đạt	
76	CNTT2043	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/12/2007	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG016100	CNTT/23/3386	Đạt	
77	CNTT2044	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/02/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,0	6,5	DBG016101	CNTT/23/3387	Đạt	
78	CNTT2045	Nguyễn Thực Hiền	03/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016102	CNTT/23/3388	Đạt	
79	CNTT2046	Bùi Xuân Hiếu	04/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016103	CNTT/23/3389	Đạt	
80	CNTT2047	Nguyễn Bá Hiếu	02/01/2007	Hồ Chí Minh	Nam	6,0	6,0	DBG016104	CNTT/23/3390	Đạt	
81	CNTT2048	Trịnh Thế Hiếu	06/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016105	CNTT/23/3391	Đạt	
82	CNTT2049	Nguyễn Đức Hoà	04/01/2007	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG016106	CNTT/23/3392	Đạt	
83	CNTT2050	Nguyễn Thái Hoàn	15/10/2005	Hải Dương	Nam	6,7	5,5	DBG016107	CNTT/23/3393	Đạt	
84	CNTT2051	Nguyễn Thị Ánh Hồng	27/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,0	DBG016108	CNTT/23/3394	Đạt	
85	CNTT2052	Đinh Ngọc Hùng	06/05/1996	Bắc Ninh	Nam	8,5	7,0	DBG016109	CNTT/23/3395	Đạt	
86	CNTT2053	Ngô Phi Hùng	02/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG016110	CNTT/23/3396	Đạt	
87	CNTT2054	Dương Gia Huy	18/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG016111	CNTT/23/3397	Đạt	
88	CNTT2055	Dương Thọ Huy	21/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG016112	CNTT/23/3398	Đạt	
89	CNTT2056	Hoàng Gia Huy	24/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG016113	CNTT/23/3399	Đạt	
90	CNTT2057	Hoàng Quốc Huy	26/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016114	CNTT/23/3400	Đạt	
91	CNTT2058	Nguyễn Bá Huy	21/02/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG016115	CNTT/23/3401	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT2059	Nguyễn Tiến	Huy	30/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016116	CNTT/23/3402	Đạt	
93	CNTT2060	Nguyễn Văn	Huy	28/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,0	DBG016117	CNTT/23/3403	Đạt	
94	CNTT2061	Dương Đức	Hung	27/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016118	CNTT/23/3404	Đạt	
95	CNTT2062	Nguyễn Thành	Hung	30/10/2007	Hà Nội	Nam	7,0	5,5	DBG016119	CNTT/23/3405	Đạt	
96	CNTT2063	Vũ Thị Diệu	Hương	26/11/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,0	DBG016120	CNTT/23/3406	Đạt	
97	CNTT2064	Nguyễn Công	Hưởng	25/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016121	CNTT/23/3407	Đạt	
98	CNTT2065	Nguyễn Văn	Hưởng	06/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016122	CNTT/23/3408	Đạt	
99	CNTT2066	Lê Văn	Khải	28/02/2001	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016123	CNTT/23/3409	Đạt	
100	CNTT2067	Nguyễn Quang	Khải	11/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016124	CNTT/23/3410	Đạt	
101	CNTT2068	Nguyễn Duy	Khánh	25/11/2007	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG016125	CNTT/23/3411	Đạt	
102	CNTT2069	Trịnh Quang	Khánh	21/06/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016126	CNTT/23/3412	Đạt	
103	CNTT2070	Nghiêm Đình	Khoa	16/11/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG016127	CNTT/23/3413	Đạt	
104	CNTT2071	Nguyễn Duy	Khương	13/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016128	CNTT/23/3414	Đạt	
105	CNTT2072	Đặng Trung	Kiên	24/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG016129	CNTT/23/3415	Đạt	
106	CNTT2073	Trịnh Trung	Kiên	04/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016130	CNTT/23/3416	Đạt	
107	CNTT2074	Nguyễn Đăng	Lâm	02/09/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016131	CNTT/23/3417	Đạt	
108	CNTT2075	Nguyễn Tùng	Lâm	23/05/2007	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,5	DBG016132	CNTT/23/3418	Đạt	
109	CNTT2076	Bùi Thị	Linh	13/06/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,5	DBG016133	CNTT/23/3419	Đạt	
110	CNTT2077	Đoàn Hải	Long	09/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016134	CNTT/23/3420	Đạt	
111	CNTT2078	Nguyễn Văn	Lộc	13/11/2007	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016135	CNTT/23/3421	Đạt	
112	CNTT2079	Nguyễn Xuân	Lộc	12/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016136	CNTT/23/3422	Đạt	
113	CNTT2080	Chu Thế	Lợi	12/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG016137	CNTT/23/3423	Đạt	
114	CNTT2081	Nguyễn Thanh	Minh	06/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016138	CNTT/23/3424	Đạt	
115	CNTT2082	Nguyễn Thị Trà	My	12/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG016139	CNTT/23/3425	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT2083	Hoàng Hải	Nam	15/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016140	CNTT/23/3426	Đạt	
117	CNTT2084	Nguyễn Tiến	Nam	08/12/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG016141	CNTT/23/3427	Đạt	
118	CNTT2085	Nguyễn Tuấn	Nam	30/08/2006	Hà Nội	Nam	6,2	6,5	DBG016142	CNTT/23/3428	Đạt	
119	CNTT2086	Ninh Văn	Nam	28/09/2007	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016143	CNTT/23/3429	Đạt	
120	CNTT2087	Ứng Trọng	Nam	26/10/2007	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016144	CNTT/23/3430	Đạt	
121	CNTT2088	Nguyễn Thị Thanh	Nga	04/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,0	6,5	DBG016145	CNTT/23/3431	Đạt	
122	CNTT2089	Ngô Thế	Nghĩa	18/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG016146	CNTT/23/3432	Đạt	
123	CNTT2090	Trần Đình	Nghiêm	12/04/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016147	CNTT/23/3433	Đạt	
124	CNTT2094	Nguyễn Ánh	Ngọc	23/03/2007	Phú Thọ	Nam	6,2	6,5	DBG016151	CNTT/23/3437	Đạt	
125	CNTT2095	Nguyễn Bảo	Ngọc	29/02/2004	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016152	CNTT/23/3438	Đạt	
126	CNTT2096	Nguyễn Đức	Ngọc	03/05/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016153	CNTT/23/3439	Đạt	
127	CNTT2097	Chu Bá	Nguyên	05/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016154	CNTT/23/3440	Đạt	
128	CNTT2098	Đặng Thị	Nhàn	06/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,2	6,0	DBG016155	CNTT/23/3441	Đạt	
129	CNTT2099	Nguyễn Văn	Nhất	30/07/2007	Bắc Ninh	Nam	5,5	6,0	DBG016156	CNTT/23/3442	Đạt	
130	CNTT2100	Ngô Hoàng	Phong	13/09/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016157	CNTT/23/3443	Đạt	
131	CNTT2101	Nguyễn Văn	Phong	15/08/1996	Bắc Ninh	Nam	8,0	7,5	DBG016158	CNTT/23/3444	Đạt	
132	CNTT2102	Nguyễn Văn	Phong	20/01/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016159	CNTT/23/3445	Đạt	
133	CNTT2103	Nguyễn Văn	Phong	08/12/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG016160	CNTT/23/3446	Đạt	
134	CNTT2104	Phạm Như	Phong	28/03/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016161	CNTT/23/3447	Đạt	
135	CNTT2105	Trần Trung	Phong	05/05/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016162	CNTT/23/3448	Đạt	
136	CNTT2106	Vũ Đại	Phong	01/04/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	7,5	DBG016163	CNTT/23/3449	Đạt	
137	CNTT2107	Ngô Tuấn	Phú	26/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016164	CNTT/23/3450	Đạt	
138	CNTT2108	Nguyễn Đắc	Phú	21/04/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016165	CNTT/23/3451	Đạt	
139	CNTT2109	Nguyễn Ngọc	Phúc	01/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016166	CNTT/23/3452	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT2110	Nguyễn Văn	Phúc	28/06/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG016167	CNTT/23/3453	Đạt	
141	CNTT2111	Hoàng Minh	Phương	11/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG016168	CNTT/23/3454	Đạt	
142	CNTT2112	Phan Văn	Quản	01/06/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016169	CNTT/23/3455	Đạt	
143	CNTT2113	Lê Việt	Quang	20/11/2006	Hồ Chí Minh	Nam	7,0	6,0	DBG016170	CNTT/23/3456	Đạt	
144	CNTT2114	Nguyễn Đức	Quang	03/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016171	CNTT/23/3457	Đạt	
145	CNTT2115	Nguyễn Đức	Quang	03/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,0	DBG016172	CNTT/23/3458	Đạt	
146	CNTT2116	Nguyễn Xuân Nhật	Quang	14/08/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	7,5	DBG016173	CNTT/23/3459	Đạt	
147	CNTT2117	Hồ Trung	Quân	20/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016174	CNTT/23/3460	Đạt	
148	CNTT2118	Nguyễn Minh	Quân	01/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG016175	CNTT/23/3461	Đạt	
149	CNTT2119	Nguyễn Văn	Quân	17/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG016176	CNTT/23/3462	Đạt	
150	CNTT2120	Phạm Minh	Quân	18/09/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016177	CNTT/23/3463	Đạt	
151	CNTT2121	Nguyễn Đức	Tài	02/02/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG016178	CNTT/23/3464	Đạt	
152	CNTT2122	Nguyễn Văn	Tài	13/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016179	CNTT/23/3465	Đạt	
153	CNTT2123	Nguyễn Văn	Tài	13/11/2007	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG016180	CNTT/23/3466	Đạt	
154	CNTT2124	Nguyễn Văn	Tân	17/12/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016181	CNTT/23/3467	Đạt	
155	CNTT2125	Lê Văn	Thanh	15/07/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG016182	CNTT/23/3468	Đạt	
156	CNTT2126	Nguyễn Xuân	Thành	09/11/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG016183	CNTT/23/3469	Đạt	
157	CNTT2127	Nguyễn Đình	Thắng	14/01/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG016184	CNTT/23/3470	Đạt	
158	CNTT2128	Nguyễn Mạnh	Thắng	21/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016185	CNTT/23/3471	Đạt	
159	CNTT2129	Phạm Công	Thắng	15/03/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG016186	CNTT/23/3472	Đạt	
160	CNTT2130	Trương Đức	Thắng	10/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016187	CNTT/23/3473	Đạt	
161	CNTT2131	Vũ Văn	Thắng	13/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016188	CNTT/23/3474	Đạt	
162	CNTT2132	Nguyễn Minh	Thuận	01/11/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG016189	CNTT/23/3475	Đạt	
163	CNTT2133	Nguyễn Duy	Thủy	27/10/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016190	CNTT/23/3476	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
164	CNTT2134	Nguyễn Quỳnh	Thương	09/11/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG016191	CNTT/23/3477	Đạt	
165	CNTT2135	Nguyễn Đức	Thường	09/09/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,0	DBG016192	CNTT/23/3478	Đạt	
166	CNTT2136	Dương Ngô	Tiến	12/03/2007	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG016193	CNTT/23/3479	Đạt	
167	CNTT2137	Nguyễn Minh	Tiến	17/01/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG016194	CNTT/23/3480	Đạt	
168	CNTT2138	Nguyễn Quang	Tiến	15/04/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016195	CNTT/23/3481	Đạt	
169	CNTT2139	Nguyễn Thế	Tiến	28/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016196	CNTT/23/3482	Đạt	
170	CNTT2140	Nguyễn Bình	Tối	01/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016197	CNTT/23/3483	Đạt	
171	CNTT2141	Nguyễn Văn	Tối	05/03/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016198	CNTT/23/3484	Đạt	
172	CNTT2142	Nguyễn Thị	Trang	20/10/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,5	5,5	DBG016199	CNTT/23/3485	Đạt	
173	CNTT2143	Nguyễn Thị Hà	Trang	29/10/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	5,5	DBG016200	CNTT/23/3486	Đạt	
174	CNTT2144	Nguyễn Văn	Tráng	18/05/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG016201	CNTT/23/3487	Đạt	
175	CNTT2146	Đặng Thị Thuý	Châm	11/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,0	5,5	DBG016203	CNTT/23/3489	Đạt	
176	CNTT2147	Nguyễn Dương	Triệu	24/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016204	CNTT/23/3490	Đạt	
177	CNTT2148	Nguyễn Đức	Trọng	08/07/2006	Bắc Ninh	Nam	8,0	5,0	DBG016205	CNTT/23/3491	Đạt	
178	CNTT2149	Ngô Mạnh Đoàn	Trung	11/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	DBG016206	CNTT/23/3492	Đạt	
179	CNTT2150	Nguyễn Bá	Trung	11/01/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016207	CNTT/23/3493	Đạt	
180	CNTT2151	Nguyễn Gia	Trung	04/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG016208	CNTT/23/3494	Đạt	
181	CNTT2152	Nguyễn Huy	Trung	23/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,0	DBG016209	CNTT/23/3495	Đạt	
182	CNTT2153	Nguyễn Quốc	Trường	31/05/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016210	CNTT/23/3496	Đạt	
183	CNTT2154	Nguyễn Văn	Trường	08/01/2007	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG016211	CNTT/23/3497	Đạt	
184	CNTT2155	Lê Đình	Tùng	13/04/2007	Hưng Yên	Nam	6,5	7,0	DBG016212	CNTT/23/3498	Đạt	
185	CNTT2156	Nguyễn Văn	Uy	24/08/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016213	CNTT/23/3499	Đạt	
186	CNTT2157	Nguyễn Thuý	Vân	26/07/2006	Lạng Sơn	Nữ	6,2	5,5	DBG016214	CNTT/23/3500	Đạt	
187	CNTT2158	Đặng Công	Vinh	25/06/2007	Vĩnh Long	Nam	7,5	5,0	DBG016215	CNTT/23/3501	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
188	CNTT2159	Nguyễn Bá Võ	26/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016216	CNTT/23/3502	Đạt	
189	CNTT2160	Hoàng Công Vũ	03/06/2007	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016217	CNTT/23/3503	Đạt	
190	CNTT2161	Nguyễn Tiến Vũ	29/05/2007	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG016218	CNTT/23/3504	Đạt	
191	CNTT2162	Nguyễn Đăng Vương	16/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016219	CNTT/23/3505	Đạt	
192	CNTT2091	Trần Ngọc Điệp	21/06/2004	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG016148	CNTT/23/3434	Đạt	
193	CNTT2145	Đỗ Đức Hải	05/08/2007	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG016202	CNTT/23/3488	Đạt	
194	CNTT2163	Nguyễn Đình Xuân	01/06/2002	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG016220	CNTT/23/3506	Đạt	

Danh sách có 194 thí sinh./.